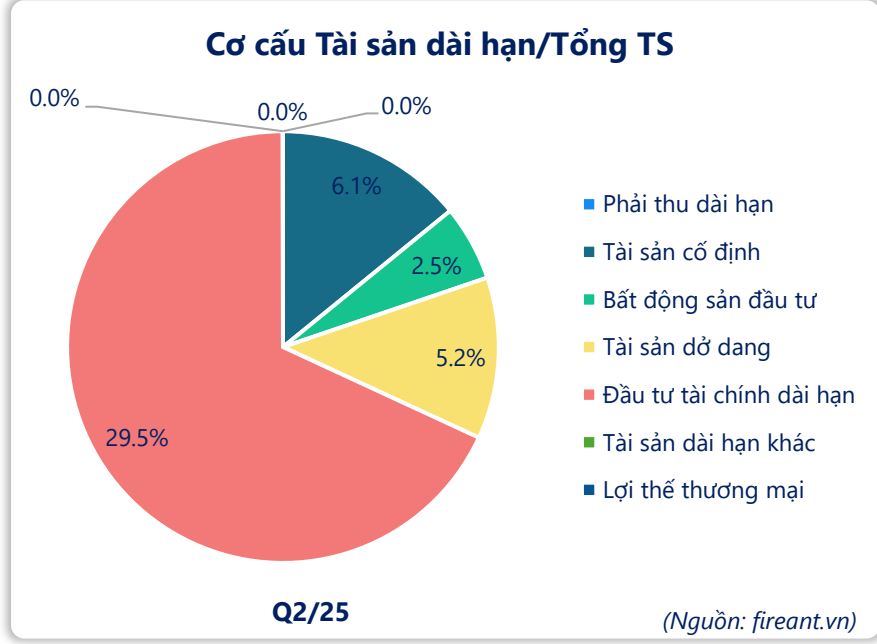
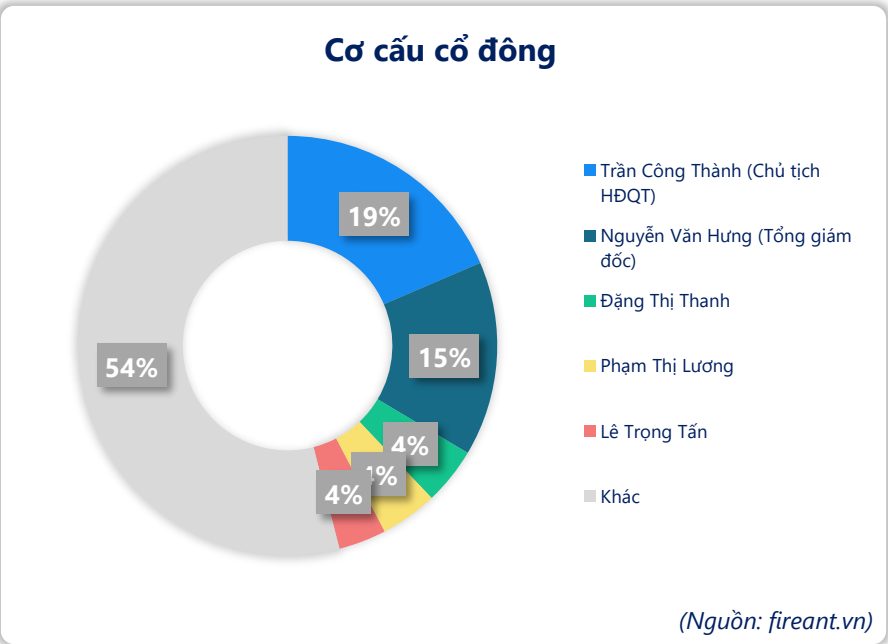
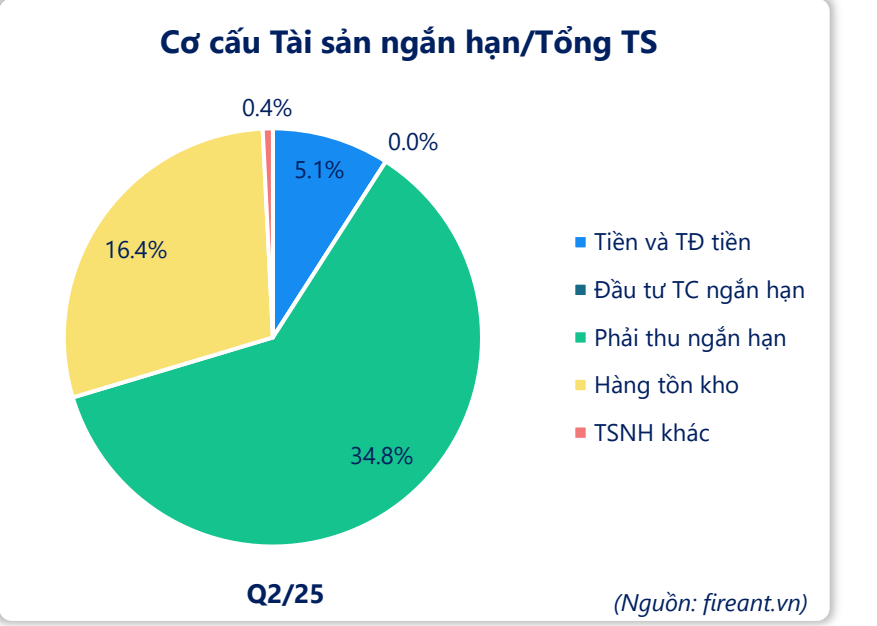
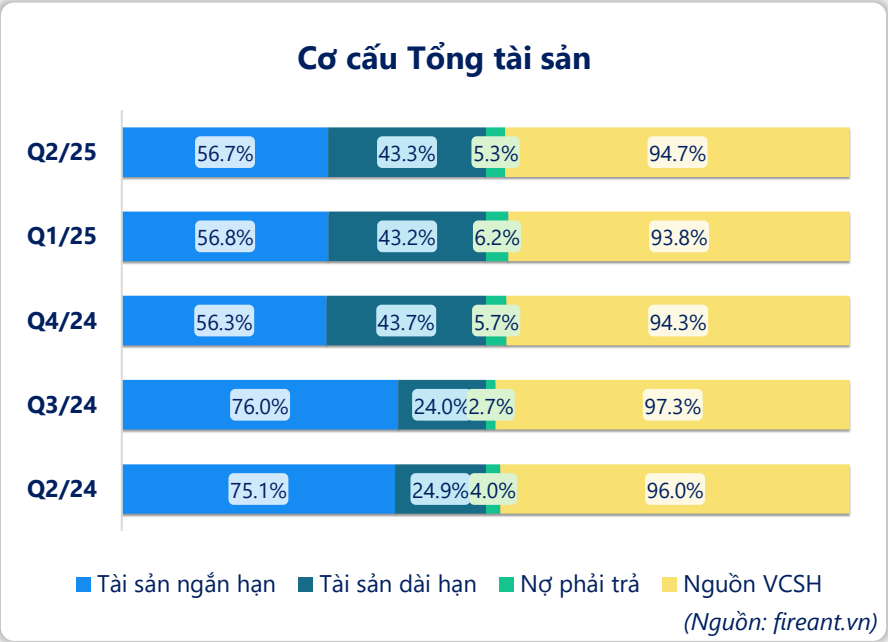
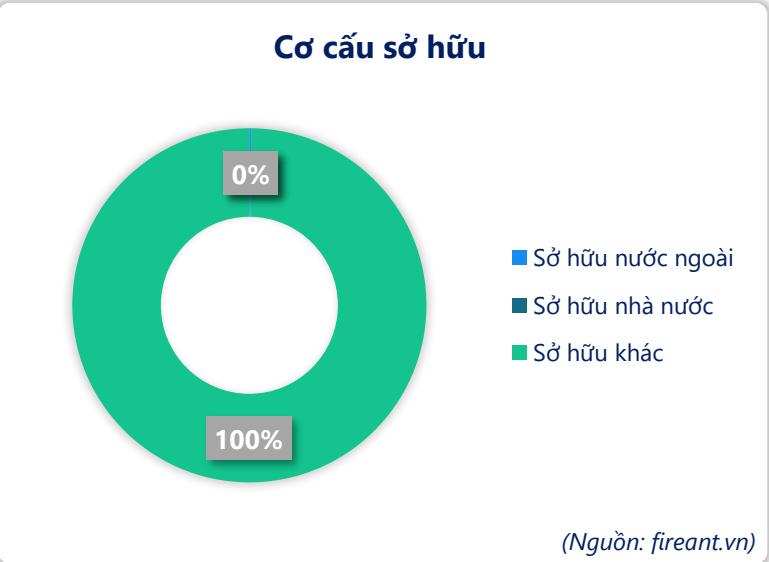
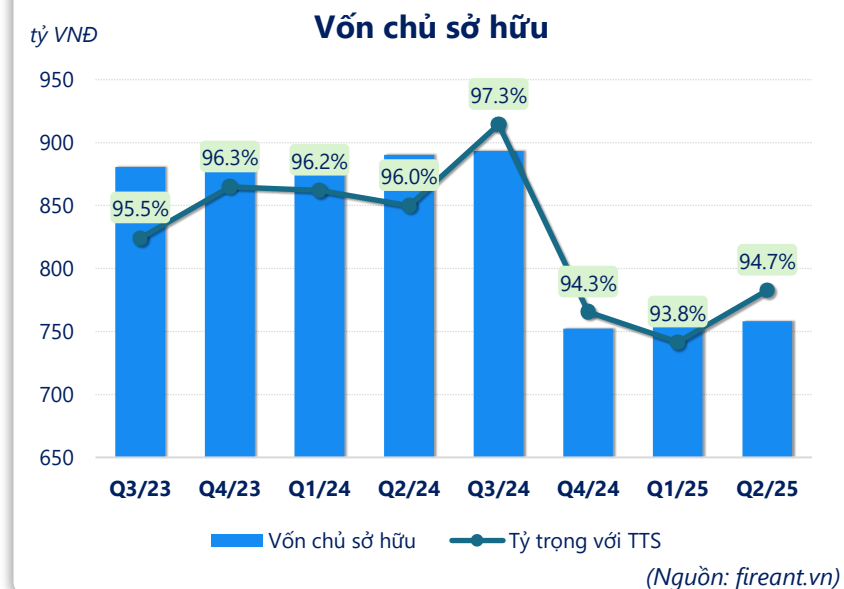
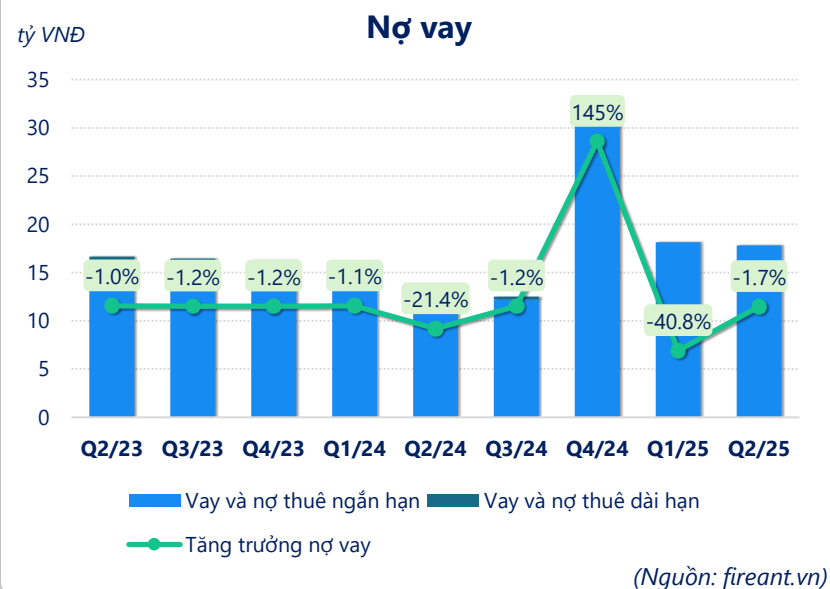
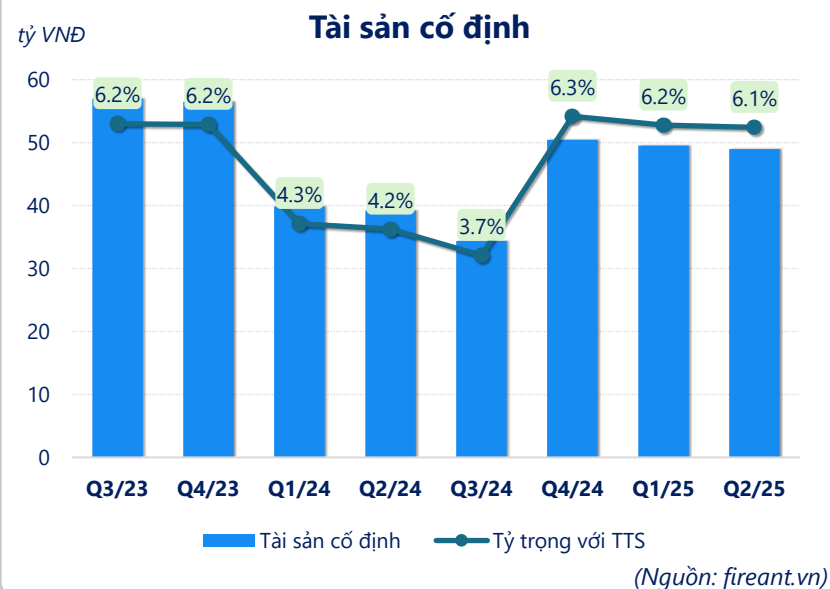
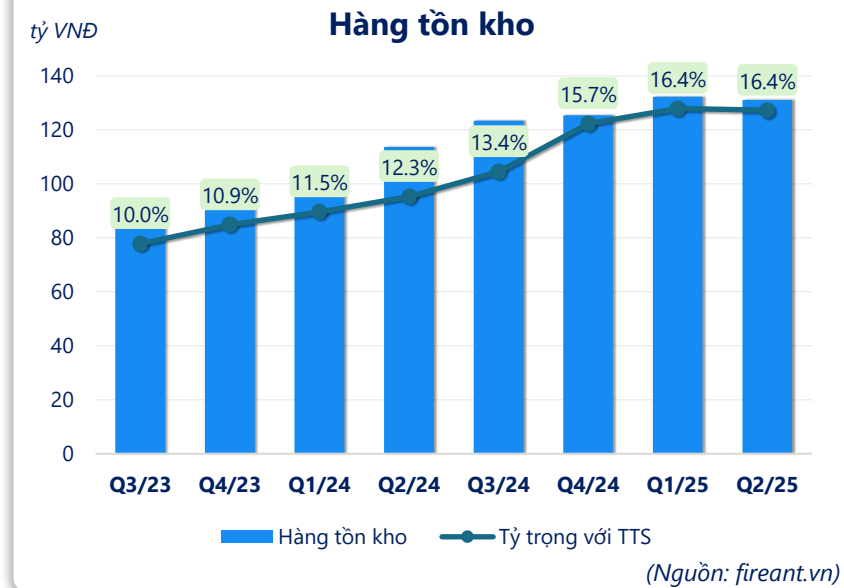
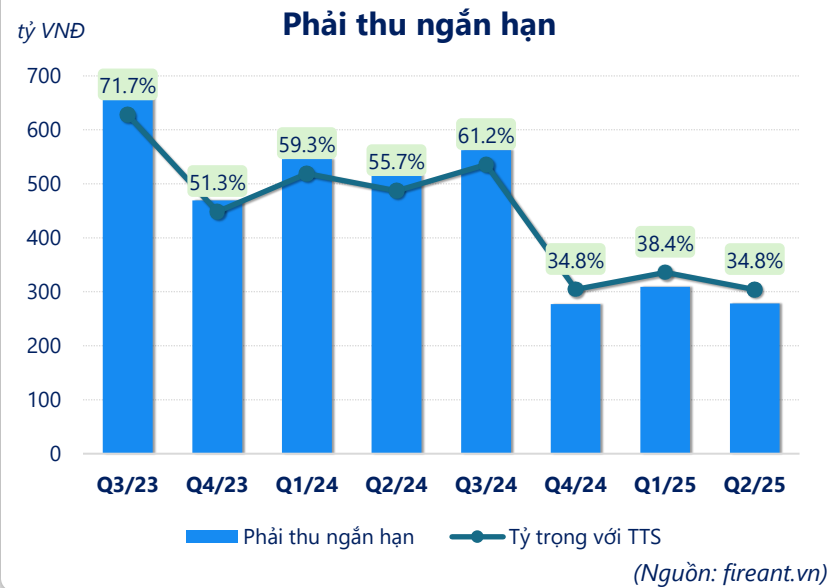
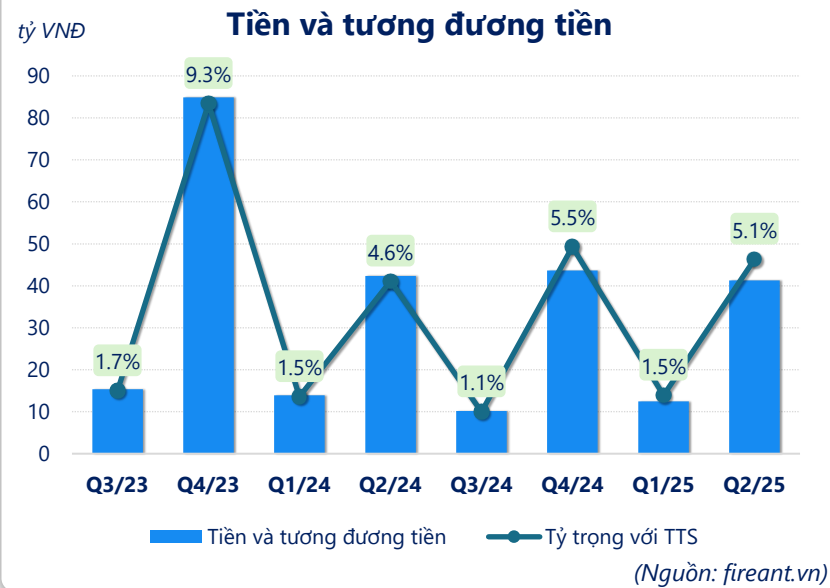
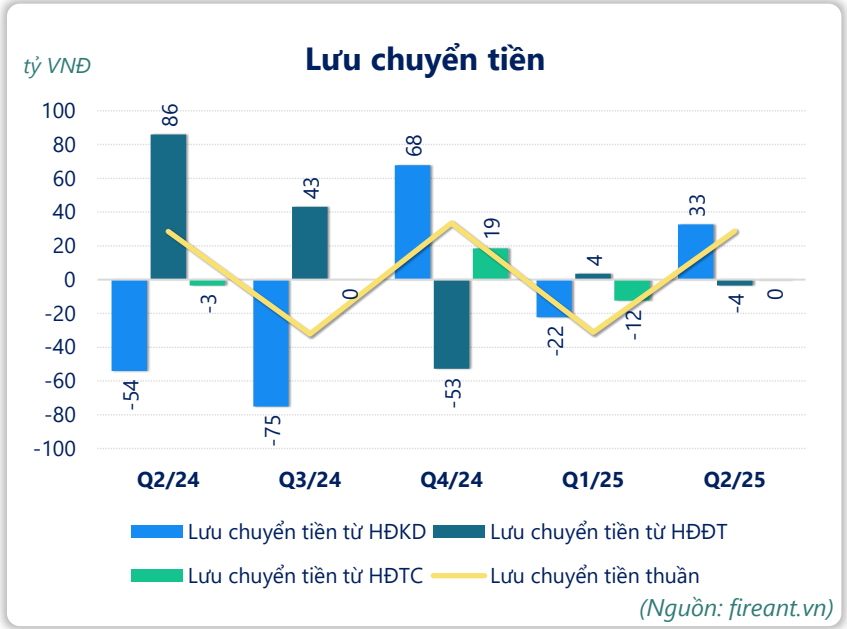
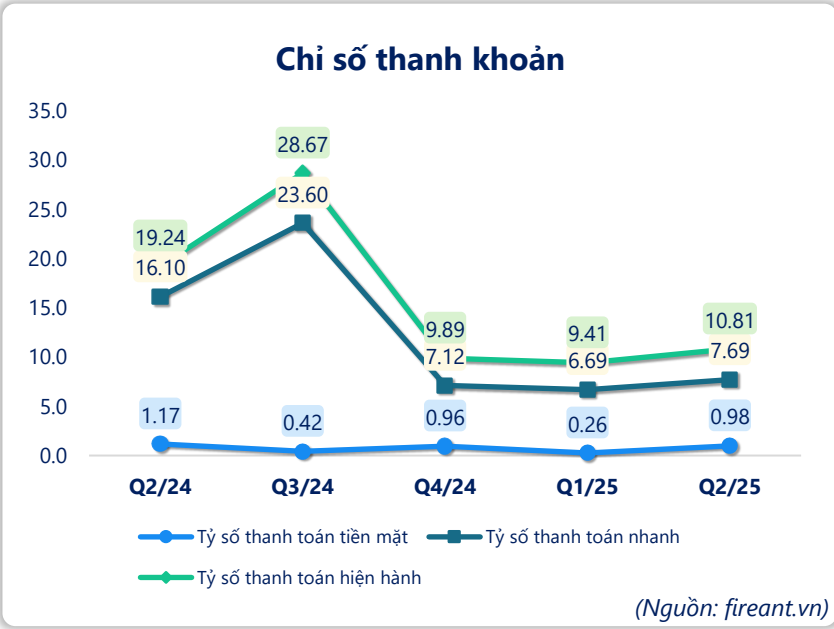
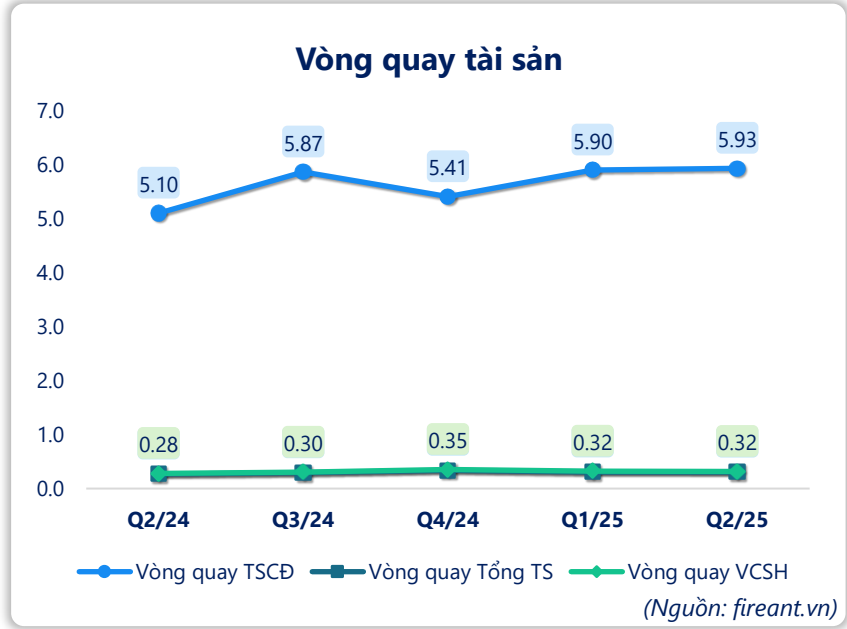
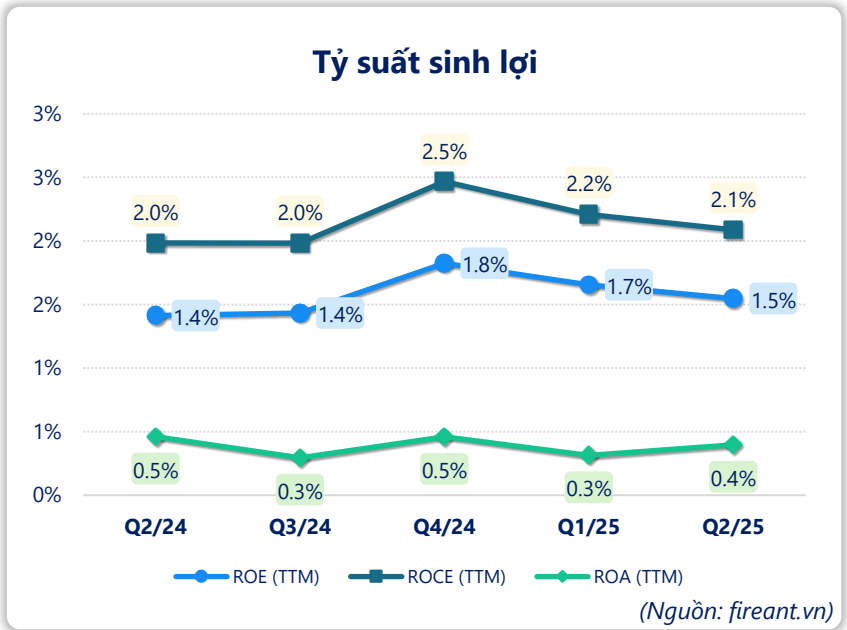
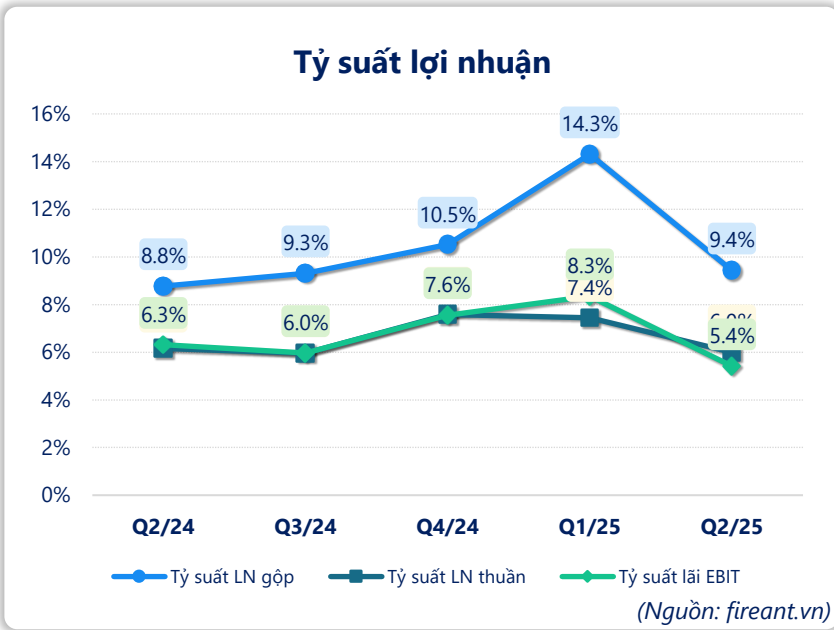
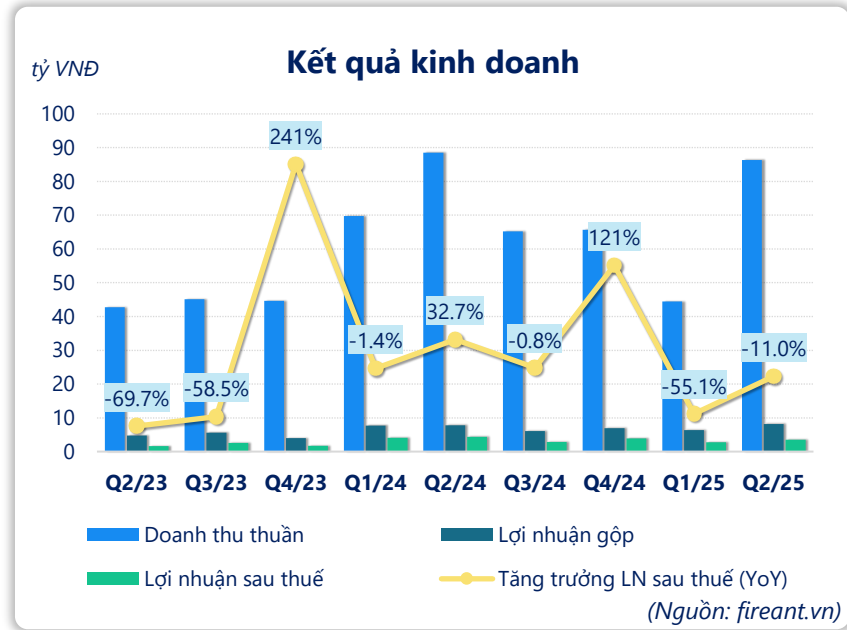


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		2,780
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		4,050
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		2,420
SL cổ phiếu LH		71,609,020
KLGD BQ 20 phiên (CP)		120,100
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		199
P/E		15.6
EPS		178

	YTD	1T	3T	6T
BKG	-16.8%	-4.1%	-8.6%	-20.1%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	801	797	0.5%
Tài sản ngắn hạn	454	448	1.4%
Tiền và tương đương tiền	41.2	43.6	-5.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	278	276	0.7%
Hàng tồn kho	131	125	4.5%
Tài sản ngắn hạn khác	3.55	2.50	42.2%
Tài sản dài hạn	347	349	-0.6%
Phải thu dài hạn	0.00	0.06	-92.3%
Tài sản cố định	49.0	50.2	-2.4%
Bất động sản đầu tư	19.7	20.1	-2.2%
Tài sản dở dang	42.0	42.3	-0.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	236	236	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.07	0.06	22.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	42.8	44.8	-4.4%
Nợ ngắn hạn	42.0	44.8	-6.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	17.8	30.6	-41.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	13.5	5.72	136%
Nợ dài hạn	0.81	0.02	4433%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0.02	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	758	752	0.8%
Vốn chủ sở hữu	758	752	0.8%
Vốn điều lệ	716	716	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	88.5	65.2	65.6	44.5	86.3
Giá vốn hàng bán	80.7	59.1	58.7	38.1	78.2
Lợi nhuận gộp	7.76	6.07	6.91	6.36	8.14
Doanh thu HĐTC	0.06	0.00	0.79	0.03	0.31
Chi phí TC	0.29	0.24	0.42	0.43	0.30
Chi phí lãi vay	0.29	0.24	0.42	0.43	0.30
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.56	0.55	1.15	0.96	1.05
Chi phí QLDN	1.52	1.40	1.16	1.69	1.92
LN thuần từ HĐKD	5.45	3.88	4.98	3.31	5.18
Lợi nhuận khác	-0.16	-0.23	-0.43	-0.02	-0.81
LN trước thuế	5.29	3.65	4.55	3.29	4.37
Lợi nhuận sau thuế	4.35	2.85	3.90	2.72	3.53
LNST của CĐ cty mẹ	4.25	2.71	3.93	2.70	3.42

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-54.0	-75.1	67.8	-22.2	32.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	85.9	43.0	-52.8	3.51	-3.57
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.43	-0.15	18.5	-12.5	-0.30
Tiền đầu kỳ	13.9	42.4	10.2	43.6	12.4
Lưu chuyển tiền thuần	28.5	-32.2	33.5	-31.2	28.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0	0.01
Tiền cuối kỳ	42.4	10.2	43.7	12.4	41.2

(Nguồn: fireant.vn)